

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 26/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Sơn.
2. Ông Nguyễn Văn Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thuý Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 và ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/HSST-QĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Tấn T** (tên gọi khác: Út H) – sinh ngày 06 tháng 5 năm 1991; nơi sinh: Thành phố Sa Đéc – tỉnh Đồng Tháp. Nơi thường trú: ấp Hòa T, xã An Phú T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện tại: khóm Tân Bình, phường An Hòa, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Phát và bà Từ Thị Mỹ Lệ; anh chị em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1991 (bị cáo); vợ: Nguyễn Thị Thái Hồng, sinh năm 1996; con 01 người, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 10/8/2009 bị Toà án nhân dân thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số: 61/2009/HSST. (Đã được xóa án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 08/3/2013 bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 11/2013/HSST. (Đã được xóa án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 22/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 74/2023/HSST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 12/12/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 44/2023/HSST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 24/01/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số: 06/2024/HSST, tổng hợp với mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án số: 74/2023/HSST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 07 năm 06 tháng tù. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 22/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 20/2024/HSST. Tổng hợp với mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HSST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và 07 năm 06 tháng tù của Bản án số 06/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 14 năm 06 tháng tù. (Chưa có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 28/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 21/2024/HSST. (Chưa có hiệu lực pháp luật).

Ngày 09/02/2023 và ngày 23/5/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Ngày 07/9/2023, Công an huyện K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T. Tuy nhiên ngày 06/7/2023, bị cáo bị Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bắt tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản đến ngày 10/7/2023, Công an tỉnh Bến Tre khởi tố bị can và tạm giam. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình, tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt).

2/ Họ và tên: **Ngô Chí T1** – sinh ngày 30 tháng 12 năm 1990; nơi sinh: Huyện Lai Vung – tỉnh Đồng Tháp. Nơi thường trú: Số 12A/3, ấp Hòa Ninh, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện tại: Khóm 3, phường 3, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Chí Công và bà Nguyễn Thị Thu Nga; anh chị em ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990 (bị cáo); vợ Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh năm: 1991, con 02 người lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 15/01/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án số 01/2009/HSST. (Đã được xóa án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 16/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 31/2019/HSST. (Đã được xoá án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 22/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 74/2023/HSST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 12/12/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 44/2023/HSST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 24/01/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 06/2024/HSST, tổng hợp với mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù của Bản án số 74/2023/HSST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 07 năm 06 tháng tù. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 22/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 20/2024/HSST. Tổng hợp với mức hình phạt 01 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HSST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và 07 năm 06 tháng tù của Bản án số 06/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 11 năm tù. (Chưa có hiệu lực pháp luật).

Ngày 09/02/2023 và ngày 23/5/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Ngày 07/9/2023, Công an huyện K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T1. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long trong vụ án khác. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Long Hòa, tỉnh Long An (Bị cáo có mặt).

3/ Họ và tên: **Trần Thiện T2** (tên gọi khác: Hòa) – sinh ngày 12 tháng 9 năm 1976; nơi sinh: Huyện Châu Thành – tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Số 67/8 đường Rạch Ngã Bát, khóm 2, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Kinh và bà Lê Thị Chuẩn; anh chị em ruột: 08 người, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất sinh năm 1977; vợ Trần Thị Thanh Thúy, sinh năm: 1982 (đã ly hôn), con 01 người sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 02/4/1998, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản công dân”. (Đã được xoá án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 17/5/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. (Đã được xoá án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 07/8/2008, bị Tòa án nhân dân huyện T Trị, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Đã được xoá án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 15/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp với 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của Tòa án nhân dân huyện T Trị, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 07/8/2008. Tổng hợp hình phạt chung 02 bản án bị cáo phải chấp hành là 11 năm tù. (Đã được xoá án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 24/6/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 150/2019/HS-PT. (Đã được xoá án tích, do đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án).

- Ngày 12/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 44/2023/HS-ST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 24/01/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 06/2024/HS-ST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 28/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 21/2024/HSST. Tổng hợp với mức hình phạt 02 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HSST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và 05 năm tù của Bản án số 06/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 14 năm tù. (Chưa có hiệu lực pháp luật).

Ngày 23/5/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Ngày 07/9/2023, Công an huyện K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T2. Tuy nhiên ngày 06/7/2023, bị cáo bị Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 10/7/2023 Công an tỉnh Bến Tre khởi tố bị can và tạm giam. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình, tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt).

4/ Họ và tên: **Lê Minh G** (tên gọi khác: Xí Muội) – sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993; nơi sinh: Thành phố Sa Đéc – tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Số 195/8 Lý Thường Kiệt, tổ 9, khóm 4, phường 1, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Mai Liên; anh chị em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; vợ: Nguyễn Lê Hưu Tiên, sinh năm 2000; con 01 người sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 22/11/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 74/2023/HSST (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 12/12/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 44/2023/HSST (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 24/01/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 06/2024/HSST, tổng hợp với mức hình phạt 02 năm tù của Bản án số 74/2023/HSST ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 07 năm tù. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 22/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 20/2024/HSST, tổng hợp với mức hình phạt 09 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HSST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre và 07 năm tù của Bản án số 06/2024/HSST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Tổng hình phạt chung là 10 năm 03 tháng tù. (Chưa có hiệu lực pháp luật).

Ngày 23/5/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Ngày 07/9/2023, Công an huyện K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với G. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long trong vụ án khác. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Long Hòa, tỉnh Long An. (Bị cáo có mặt).

5/ Họ và tên: **Trần Văn S** (tên gọi khác: Nị) – sinh ngày 19 tháng 4 năm 1994; nơi sinh: Huyện Lai Vung – tỉnh Đồng Tháp. Nơi thường trú: Ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện tại: Ấp Hòa Trung, xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Thống và bà Đặng Thị Tiêm; anh chị em ruột: 02 người, lớn nhất sinh năm 1994 (bị cáo), nhỏ nhất sinh năm 2000; vợ: Trần Thị Ngọc, sinh năm 1972; không có con.

Tiền sự: Không. Tiền án: Có 03 tiền án (chưa xóa án tích, do bị cáo chưa chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án), cụ thể: Ngày 21/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, buộc bị cáo liên đới nộp số tiền 533.000 đồng sung quỹ nhà nước, liên đới bồi thường cho bị hại 800.000 đồng, chịu án phí hình sự 200.000 đồng, liên đới chịu án phí dân sự 200.000 đồng. Ngày 19/6/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù. Ngày 17/3/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo 06 năm tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/9/2020 đến ngày 09/02/2023 chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

- Ngày 09/01/2024 bị Tòa án nhân dân huyện T Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2024/HSST. (Đã có hiệu lực pháp luật).

- Ngày 06/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 11/2024/HSST, tổng hợp với mức hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 02/2024/HSST của Tòa án nhân dân huyện T Phú, tỉnh Bến Tre. Tổng hình phạt chung là 07 năm tù. (Đã có hiệu lực pháp luật).

Ngày 09/02/2023, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K. Ngày 01/11/2023, Công an huyện K khởi tố bổ sung vụ án, khởi tố bị can đối với S. Tuy nhiên ngày 12/7/2023, bị cáo bị Công an huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bắt tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản đến ngày 20/7/2023 thì khởi tố bị can và tạm giam đến nay. (Bị cáo có mặt).

- *Người bị hại:*

1/ Trần Hữu H – sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 12, ấp Hòn Ngang, xã S Hải, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

2/ Lâm Minh T – sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 3, ấp Ngã Tư, xã Dương Hòa, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Hồ Văn G – sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp Tân Mỹ, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

2/ Dương Huyền T3 – sinh năm 1980. Địa chỉ: 44/5A Đình Tiên Hoàng, khóm 2, phường 2, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ ngày 08/02/2023, Nguyễn Tấn T đang ở trọ tại khóm Tân Bình, phường An Hòa, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp thì được Ngô Chí T1 điện thoại rủ đi tìm tài sản trộm cắp, T đồng ý và rủ thêm Trần Văn S do S có xe ô tô 7 chỗ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S điều khiển xe ô tô biển kiểm soát số 66A-176.44, nhãn hiệu INNOVA, màu xám đến gặp T và T1 tại quán cà phê công viên Sa Đéc. Sau đó S chở T và T1 về phòng trọ của T chuẩn bị công cụ gồm: Bình xịt hơi cay, kìm cộng lực, kìm thủy lực, bột ớt, biển số giả. Sau khi lấy các công cụ, S điều khiển xe chở nhóm chạy về hướng thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang để tìm tài sản trộm cắp. Chạy đến đoạn đường vắng S dừng xe để T1 và T xuống xe thay biển số giả. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/02/2023, cả nhóm đi đến tổ 3, ấp Ngã Tư, xã Dương Hòa, huyện K, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện cửa hàng điện thoại của anh Lâm Minh T khóa ổ khóa bên ngoài nên dừng xe lại ngay trước cửa hàng. Lúc này T1 và T mặc áo khoác trùm kính đầu, đeo khẩu T3 và găng tay xuống xe, T cầm theo kìm thủy lực và bọc nylon màu đen cùng với T1 dùng kìm thủy lực cắt ổ khóa đột nhập vào bên trong cửa hàng, còn S ngồi trên xe cảnh giới. T1 lấy nhiều điện thoại bỏ vào bọc màu đen, còn T thì lấy card điện thoại, sau đó cả nhóm quay về thành phố Sa Đéc. Cùng ngày T và T1 mang điện thoại và card đi tiêu thụ cho đối tượng (không rõ nhân thân) được số tiền 9.600.000 đồng, số tiền

này được chia đều cho T1, T, S mỗi bị cáo được 2.700.000 đồng, đồng thời đưa cho S thêm 1.500.000 đồng để trả tiền thuê xe và tiền đổ xăng.

Người bị hại Lâm Minh T khai số tài sản bị mất trộm gồm có: 01 điện thoại Samsung Galaxy A02; 04 điện thoại Nokia C20; 01 điện thoại Samsung A02S; 02 điện thoại Redmi 9C; 01 điện thoại Samsung M12; 02 điện thoại A02S; 01 điện thoại Vivo Y11; 01 điện thoại Samsung A750; 05 điện thoại Samsung J7prime; 01 điện thoại F7 OPPO; 01 điện thoại Vivo Y9; 01 điện thoại OPPO và Card điện thoại. Người bị hại không yêu cầu bồi thường đối với Card điện thoại.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/5/2023, Ngô Chí T1 trao đổi với Nguyễn Tấn T để tìm tài sản lấy trộm, lúc này do ở cùng phòng trọ với Lê Minh G nên T1 kêu G tìm thuê xe ô tô, vì vậy G liên hệ với Dương Huyền T3 thuê xe 7 chỗ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, G chở T1 đến gặp T và Trần Thiện T2 tại nhà trọ của T thuê ở. Tại đây T chuẩn bị kim cọng lực, kim thủy lực, bột ốt, gang tay, biển số giả, bình xịt hơi cay. Sau đó G điều khiển xe chở T, T1, T2 chạy về hướng thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Trên đường đi thì G giao xe lại cho T2 điều khiển. Đến đoạn đường vắng thì T2 dừng xe để T và T1 xuống đổi biển số giả. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cả nhóm đi đến khu dân cư thuộc khu phố Hòa Lập, thị trấn K, huyện K thì phát hiện nhà ông Trần Hữu H khóa ổ khóa ngoài nên T2 dừng xe lại. Lúc này T1, T, G mặc áo khoác trùm kính đầu, đeo khẩu T3 và mang gang tay đi xuống xe, còn T2 ngồi trên xe cảnh giới. T mang theo kim thủy lực, G được T đưa cho 01 con dao, T và T1 dùng kim thủy lực bẻ ổ khóa. Sau khi bẻ được khóa thì cả 03 vào nhà tìm tài sản, T lấy trộm được đôi bông tai vàng 18k và số tiền 1.700.000 đồng, T1 lấy được cái máy bơm nước rửa xe, hiệu Crika, màu cam nước, còn G không lấy được gì. Sau đó cả nhóm về thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Cùng ngày, T1 đem vàng đi bán được số tiền 3.400.000 đồng, cùng với số tiền lấy trộm được 1.700.000 đồng là 5.100.000 đồng. T1 lấy tiền đổ xăng hết 1.000.000 đồng, chia cho T2 500.000 đồng, chia cho T 1.000.000 đồng, đưa cho G tiền thuê xe 600.000 đồng và 200.000 đồng tiêu xài cá nhân, còn lại 1.800.000 đồng T1 tiêu xài cá nhân. Ngoài ra T1 lấy máy bơm nước rửa xe về sử dụng riêng.

Người bị hại Trần Hữu H khai tài sản bị mất trộm gồm có: 01 đôi bông tai vàng 18k (trọng lượng 07 phân); 01 nhẫn vàng 24k (trọng lượng 1,2 chỉ); 01 máy bơm nước rửa xe, hiệu Crika, màu cam nước và số tiền 1.700.000 đồng. Các bị cáo không thừa nhận đã lấy trộm 01 nhẫn vàng 24k (trọng lượng 1,2 chỉ) và bị hại cũng không yêu cầu bồi thường đối với chiếc nhẫn này.

* Theo Bản kết luận định giá số 10/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 đôi bông tai vàng 18k (trọng lượng 07 phân) trị giá 3.660.000 đồng; 01 nhẫn vàng 24k (trọng lượng 1,2 chỉ) trị giá 6.753.000 đồng; 01 máy bơm nước rửa xe, hiệu Crika, màu cam nước, đã qua sử dụng trị giá 1.366.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 11.761.000 đồng.

* Theo Bản kết luận định giá số 16/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận các điện thoại gồm: 01 Samsung Galaxy A02 trị giá 2.130.000 đồng; 04 Nokia C20 trị giá 8.520.000 đồng;

01 Samsung A02S trị giá 2.466.000 đồng; 02 Redmin 9C trị giá 5.332.000 đồng; 01 Samsung M12 trị giá 3.000.000 đồng; 02 A02S trị giá 3.000.000 đồng; 01 Vivo Y11 trị giá 1.166.000 đồng; 01 Samsung A750 trị giá 1.166.000 đồng; 05 Samsung J7prime trị giá 4.330.000 đồng; 01 F7 OPPO trị giá 1.000.000 đồng; 01 Vivo Y9 trị giá 1.000.000 đồng; 01 OPPO A1 trị giá 933.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 34.043.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 máy bơm nước rửa xe, hiệu Crika, màu cam nước, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng thu giữ được, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên cơ quan công an đã trao trả cho chủ sở hữu nên đề nghị nghị nhận.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát số 66A-176.44 do Hồ Văn G đứng tên chủ sở hữu, G giao cho bị cáo S quản lý, việc bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp G không biết nên không tạm giữ đối với phương tiện này.

Đối với xe ô tô 07 chỗ (không rõ biển kiểm soát) mà bị cáo Lê Minh G thuê của Dương Huyền T3, do T3 không biết bị cáo sử dụng phương tiện vào việc trộm cắp nên không tạm giữ đối với phương tiện này.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lâm Minh T yêu cầu bồi thường đối với các điện thoại bị lấy trộm với tổng số tiền là 34.043.000 đồng. Bị hại Trần Hữu H yêu cầu bồi thường đối với tài sản bị lấy trộm gồm 01 đôi bông tay vàng 18k (trọng lượng 07 phân) trị giá 3.660.000 đồng và số tiền bị mất trộm là 1.700.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu bồi thường 5.360.000 đồng. Vì vậy đề nghị buộc các bị cáo T, T1, S phải bồi thường cho ông T số tiền 34.043.000 đồng. Buộc các bị cáo T, T1, T2, G phải bồi thường cho ông H số tiền 5.360.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo xin chia đều theo phần số tiền để bồi thường, cụ thể T bồi thường 12.687.700 đồng, T1 bồi thường 12.687.700 đồng, S bồi thường 11.347.700 đồng, T2 bồi thường 1.340.000 đồng, G bồi thường 1.340.000 đồng. Các bị cáo đã tạm nộp số tiền khắc phục thiệt hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, cụ thể: Bị cáo T2 nộp số tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng, theo lai thu số 0003101 ngày 26/4/2024. Bị cáo S nộp số tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại 11.347.700 đồng theo lai thu số 0003102 ngày 26/4/2024. Bị cáo G nộp số tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng, theo lai thu số 0003103 ngày 26/4/2024. Bị cáo T1 nộp số tiền khắc phục một phần thiệt hại 7.013.850 đồng, theo lai thu số 0003104 ngày 26/4/2024. Bị cáo T chưa khắc phục.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSKL ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Ngô Chí T1, Lê Minh G, Trần Thiện T2, Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp tái phạm

nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, T1 đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, G, T2, T, S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà các bị cáo gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Chí T1, Lê Minh G, Trần Thiện T2, Nguyễn Tấn T, Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với Ngô Chí T1, xử phạt bị cáo T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Tấn T, xử phạt bị cáo T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với Lê Minh G, xử phạt bị cáo G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với Trần Thiện T2, xử phạt bị cáo T2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 58, khoản 1 Điều 56, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn S, xử phạt bị cáo S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Đồng thời đề nghị tổng hợp hình phạt đối với các bản án có hiệu pháp luật cho từng bị cáo.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng của vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Đối với vụ án thứ nhất các bị cáo T1, T, S đã có sự bàn bạc thống nhất, chuẩn bị công cụ trong vụ trộm cắp tại cửa hàng điện thoại di động của anh Lâm Minh T ở tổ 3, ấp Ngã Tư, xã Dương Hòa, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Sau khi bán được tài sản trộm cắp, các bị cáo đã cùng chia nhau số tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi định giá tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 34.043.000 đồng.

Đối với vụ án thứ hai các bị cáo T1, T, G, T2 đã có sự bàn bạc thống nhất, chuẩn bị công cụ trong vụ trộm cắp tại nhà của ông Trần Hữu H ở khu phố Hòa Lập, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Sau khi bán được tài sản trộm cắp, các bị cáo đã cùng chia nhau số tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi định giá tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 11.761.000 đồng.

Cả trong 02 vụ trộm xét thấy các bị cáo có bàn bạc, chuẩn bị công cụ phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, nên Hội đồng xét xử không xem xét các bị cáo phạm tội có tổ chức vì chỉ mang tính giản đơn. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo T, T1, G, T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo S có 03 tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội trộm cắp nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, các bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Mặc dù xác định các bị cáo T, T1, G, T2 không có tiền án, tiền sự nhưng không được xem xét có nhân thân tốt, vì các bị cáo đã từng bị xét xử nhiều lần về các tội xâm phạm quyền sở hữu. Bị cáo S có nhân thân xấu do có 03 tiền án chưa được xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, T1 đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T1, G, T2, T, S đã thành khẩn khai nhận và tỏ ra biết ăn năn hối cải, vì vậy cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, G, T2, S đã nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người hại hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại

điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan Công an đã trao trả tài sản cho bị hại.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận việc bị cáo S bồi thường toàn bộ thiệt hại 11.347.700 đồng. Bị cáo T1 bồi thường một phần thiệt hại 5.673.850 đồng, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường 5.673.850 đồng. Buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 11.347.700 đồng cho bị hại Lâm Minh T.

- Ghi nhận việc bị cáo T2 bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng. Bị cáo G bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng. Bị cáo T1 bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng. Buộc bị cáo T phải bồi thường 1.340.000 đồng cho bị hại Trần Hữu H.

[7] Đối với các bị cáo T1, G, T2, T do Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã xét xử và tổng hợp hình phạt của các bản án có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo, tuy nhiên bản án của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất đến nay vẫn chưa có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo trên. Đối với bị cáo S do các bản án đã có hiệu lực chưa được tổng hợp nên HĐXX sẽ tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Chí T1, Lê Minh G, Trần Thiện T2, Nguyễn Tấn T, Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Chí T1 02 (hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/7/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Minh G 01 (một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 10/7/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thiện T2 01 (một) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 06/7/2023.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 03 (ba) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HSST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 09/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T Phú, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 10 (mười) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2023.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện K trao trả cho các chủ sở hữu là phù hợp nên ghi nhận.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận việc bị cáo S bồi thường toàn bộ thiệt hại 11.347.700 đồng, nộp theo lai thu số 0003102 ngày 26/4/2024 cho ông Lâm Minh T. Bị cáo T1 bồi thường một phần thiệt hại 5.673.850 đồng, nộp theo lai thu số 0003104 ngày 26/4/2024, số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường 5.673.850 đồng cho ông Lâm Minh T. Buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 11.347.700 đồng cho ông Lâm Minh T.

+ Ghi nhận việc bị cáo T2 bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng, nộp theo lai thu số 0003101 ngày 26/4/2024 cho ông Trần Hữu H. Bị cáo G bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng, nộp theo lai thu số 0003103 ngày 26/4/2024 cho ông Trần Hữu H. Bị cáo T1 bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.340.000 đồng, nộp theo lai thu số 0003104 ngày 26/4/2024 cho ông Trần Hữu H. Buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 1.340.000 đồng cho ông Trần Hữu H.

Số tiền trên các bị cáo tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Sau khi án có hiệu lực pháp luật ông Lâm Minh T và ông Trần Hữu H liên hệ đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc T phải chịu số tiền 634.385 đồng, T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc T, T1, T2, G, S mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho